

ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG XÃ HỘI CỦA CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ HÒA NHẬP CHO NGƯỜI BÁN DÂM

TS. Nguyễn Thu Hà

Bệnh viện Nhi Trung ương

thuha32005@yahoo.com

TS. Nguyễn Trung Hải (76)

Trường Đại học Lao động – Xã hội

haitc08ulsa@gmail.com

TS. Đặng Quang Trung

Trường Đại học Lao động – Xã hội

trungulsa@gmail.com

Tóm tắt: Quan điểm của Đảng và Nhà nước nhất quán không thừa nhận mại dâm là hoạt động hợp pháp, nghiêm cấm mại dâm dưới mọi hình thức. Do vậy, hỗ trợ hòa nhập xã hội cho người bán dâm nhận được sự quan tâm lớn từ hệ thống chính trị và toàn xã hội với phương châm “lấy phòng ngừa làm trọng tâm, chú trọng các giải pháp mang tính xã hội nhằm giảm tác hại do hoạt động mại dâm gây ra đối với đời sống xã hội, tăng cường xây dựng các thể chế bảo vệ quyền con người, tăng khả năng tiếp cận của người tham gia hoạt động mại dâm vào hệ thống an sinh xã hội; từng bước xã hội hóa, xây dựng cơ chế, chính sách huy động sự tham gia của các tổ chức cộng đồng và các thiết chế xã hội vào công tác phòng ngừa mại dâm”. Trên tinh thần đó, nhiều chính sách hỗ trợ hòa nhập xã hội cho người bán dâm được triển khai trong thực tiễn. Nội dung bài viết tập trung đánh giá tác động của chính sách hỗ trợ hòa nhập xã hội cho người bán dâm theo 3 phương diện là: (1) y tế - sức khỏe; (2) giáo dục; và (3) việc làm.

Từ khóa: tác động xã hội, chính sách hỗ trợ hòa nhập, người bán dâm.

Abstract: The Party and State's opinion is consistent that prostitution is not recognized as a legal activity, and prostitution in any form is strictly prohibited. Therefore, social integration support for prostitutes has received great attention from the political system and the whole society with the motto “With prevention at the heart; Focusing on social solutions to reduce the harm caused by prostitution on social life; Strengthening the building of institutions to protect human rights, increasing access of prostitutes to the social protection system; Step by step socialize, develop mechanisms and policies to mobilize the participation of community organizations and social institutions in prostitution prevention”. In that spirit, many policies to support social integration for prostitutes have been implemented in practice. The content of the article focuses on assessing the impact of policies to support social integration for prostitutes in three aspects: (1) health; (2) education; and (3) employment.

Keywords: social impact, policies to support social inclusion, prostitutes

Mã bài báo: JHS-17

Ngày nhận sửa bài: 20/12/2021

Ngày nhận bài: 25/11/2021

Ngày duyệt đăng: 26/12/2021

Ngày nhận phản biện: 5/12/2021

1. Đặt vấn đề

Xuất phát từ góc độ tâm lý, S. Freud cho rằng do có sự thèm muốn về nhục dục mà con người tham gia vào hoạt động mại dâm. Sự thèm muốn này gắn liền với tâm lý chiếm hữu của “con đực” với “con cái”. Một “con cái” không thể thỏa mãn nhu cầu tình dục, nên “con đực” thường tìm kiếm thêm nhiều “con cái” khác. Đây là lý do đàn ông không thể thỏa mãn ham muốn tình dục chỉ với một người phụ nữ. Để thỏa mãn, họ cần tìm kiếm nhiều người phụ nữ khác, trong đó, có biện pháp mua dâm. Do vậy, mại dâm tồn tại là bởi nhu cầu của con người (Redazion, 2012).

Tuy nhiên, tại một số quốc gia công nhận mại dâm là một nghề (như Đức, Hà Lan, Úc, Mê-hi-cô...) thì quan điểm, nhận thức chung của nhiều bộ phận xã hội cũng là không ủng hộ. Nhiều chính trị gia lên tiếng mại dâm là hình thức ô nhục của xã hội, và càng ô nhục hơn khi đem những đồng tiền thu được từ hoạt động mại dâm để đầu tư cho y tế, giáo dục, phúc lợi xã hội (Luân, 2015).

Trên bình diện nhận thức chung của các quốc gia được ghi nhận trong Công ước Liên hiệp quốc năm 1949 về “*Trấn áp buôn bán người và bóc lột mại dâm người khác*” thì mại dâm là hoạt động trái với nhân phẩm và giá trị của con người. Nó đe dọa phá vỡ hạnh phúc cá nhân, gia đình và cộng đồng. Tuyên bố của Công ước đưa ra là: *các quốc gia thành viên nhất trí trừng phạt bất cứ người nào tham gia hoạt động môi giới, dụ dỗ hoặc dẫn dắt một người khác nhằm mục đích mại dâm, bóc lột mại dâm người khác; nhất trí trừng phạt bất cứ người nào tổ chức, quản lý, cố ý tài trợ hoặc tham gia vào việc tài trợ nhà chứa mại dâm, hay cố ý cho thuê hoặc đi thuê một ngôi nhà, một địa điểm, hoặc bất kỳ một phần địa điểm như vậy để sử dụng vào mục đích mại dâm.*

Phù hợp với nhận thức chung nêu trên, tại Việt Nam, quan điểm nhất quán của Đảng và Nhà nước khẳng định *không thừa nhận mại dâm là hoạt động hợp pháp, nghiêm cấm hoạt động mại dâm dưới mọi hình thức*. Điều 4, Pháp lệnh Phòng, chống mại dâm năm 2003 nêu rõ: nghiêm cấm mua dâm, bán dâm, chứa mại dâm, tổ chức hoạt động mại dâm, cưỡng bức bán dâm, môi giới bán dâm, bảo kê mại dâm, lợi dụng kinh doanh dịch vụ để hoạt động mại dâm và thực hiện các hành vi khác liên quan đến hoạt động mại dâm theo quy định của pháp luật.

Để xây dựng cách hiểu chung, Điều 3 của Pháp lệnh nêu trên định nghĩa: *Mại dâm là hành vi mua dâm, bán dâm*. Theo đó, bán dâm là hành vi giao cấu của một

người với người khác để được trả tiền hoặc lợi ích vật chất khác; và mua dâm là hành vi của người dùng tiền hoặc lợi ích vật chất trả cho người bán dâm để được giao cấu. Đây là những hành vi mà pháp luật cấm thực hiện.

Từ quan điểm nhất quán và quy định pháp lý nêu trên, Việt Nam ban hành nhiều chính sách khác nhau trợ giúp người bán dâm tái hòa nhập xã hội. Nội dung nghiên cứu dưới đây tập trung phân tích tác động xã hội của các chính sách hỗ trợ người bán dâm tái hòa nhập cộng đồng (1) về y tế - sức khỏe; (2) về giáo dục; và (3) về việc làm.

2. Tổng quan thực trạng mại dâm ở Việt Nam

2.1. Số liệu thống kê

Mặc dù không được thừa nhận là hoạt động hợp pháp, nhưng mại dâm là vấn đề xã hội đã tồn tại suốt chiều dài lịch sử và phát triển dưới nhiều loại hình, phương thức khác nhau. Số liệu báo cáo của Chương trình phòng, chống mại dâm giai đoạn 2016-2020 cho thấy tính đến cuối năm 2015 Việt Nam có 11.240 người người bán dâm (Quyết định số 361/QĐ-TTg, 2016).

Tuy nhiên, con số thực tế còn cao hơn, bởi đây là hoạt động rất khó kiểm soát với tính chất phức tạp, tinh vi và trá hình của nó. Tổ chức Lao động quốc tế (2016) ước tính số lượng người bán dâm lên tới 101.272 người, trong đó có tới 72.000 người bán dâm là nữ. Tương tự, số liệu ước tính vào năm 2014 của Liên hợp quốc thì Việt Nam có tới gần 300.000 người bán dâm (Trần, 2017).

2.2. Một số hình thức cơ bản của mại dâm

- *Mại dâm nữ*: đề cập đến nhóm nữ giới là người bán dâm và khách hàng thường là nam giới. Mại dâm nữ là hình thức phổ biến nhất, bởi nam giới có nhu cầu mua dâm nhiều hơn so với nữ giới (Tổ chức Di cư quốc tế và Liên hiệp quốc tại Việt Nam, 2012).

- *Mại dâm nam*: đề cập đến nhóm nam giới là người bán dâm và khách hàng thường là nữ giới ở lứa tuổi hồi xuân, những người thiếu thốn tình cảm, nhưng sẵn tiền. Mại dâm nam là hình thức mại dâm có xu hướng phát triển nhanh trong xã hội hiện đại, khi mà ngày càng có nhiều phụ nữ mạnh mẽ, thành công khẳng định mình trong các lĩnh vực khác nhau của đời sống xã hội (Tổ chức Di cư quốc tế và Liên hiệp quốc tại Việt Nam, 2012).

- *Mại dâm đồng tính*: đề cập đến nhóm bán dâm có thể là nam, có thể là nữ, nhưng khách hàng của họ là những người đồng giới. Hình thức mại dâm này có độ

phổ biến thấp hơn so với hai loại hình mại dâm nam và mại dâm nữ, song nó cũng là một hiện tượng xã hội. Mức độ phổ biến của loại hình mại dâm này thấp hơn là bởi nhóm mua - bán dâm thường kín tiếng, hoạt động bí mật theo nhóm nhỏ.

- *Mại dâm theo hình thức “trai bao”*. Đây là hình thức mại dâm không mới, dù cho mức độ phổ biến chưa nhiều. Trong hình thức mại dâm này, nhóm thanh niên trẻ ham chơi, muốn được khám phá, muốn có nhiều tiền là nhóm đối tượng được những quý bà, quý cô nhiều tiền nhưng thiếu tình săn đón, chu cấp. Mục đích của sự hợp tác “chu cấp” này là quý bà, quý cô được thỏa mãn nhu cầu tình dục.

- *Mại dâm theo hình thức Sugar Daddy – Sugar Baby*. Đây cũng là một dạng tương tự như mại dâm theo hình thức “trai bao”, song có sự đổi chỗ, đổi vai cho nhau theo giới tính. Lúc này nam giới đóng vai Sugar Daddy chu cấp tiền, hiện vật để đổi lại được quan hệ tình dục. Ngược lại, nữ giới, thường là những cô gái trẻ, những người được gọi là Sugar Baby, là người nhận tiền và các khoản chu cấp khác, đồng thời đồng ý cho Sugar Daddy quan hệ tình dục

2.3. Lý do tham gia hoạt động mại dâm

- Trách nhiệm đảm bảo kinh tế gia đình. Đây là một trong những lý do cơ bản khi “hành nghề” của người bán dâm. Tỷ lệ thực hiện trách nhiệm này lên tới 60,8%, nhưng nữ giới bán dâm và nam giới bán dâm thực hiện ở mức độ khác nhau. Trong khi 80,8% nữ giới bán dâm chu cấp tiền cho người thân, thì tỷ lệ này ở nam giới bán dâm chỉ đạt 37,4% “*em bây giờ là người chính trong gia đình, mỗi tháng gửi tiền cho mẹ, tiền ăn, tiền nhà, tiền điện, tiền nước là em lo hết... Mỗi tháng gửi 2-3 triệu cho mẹ, còn khoản trả nợ riêng nữa, em dư thì em gửi 5-7 hoặc là 10 triệu về trả nợ*” (phỏng vấn sâu nữ, TP. Hồ Chí Minh) (Tổ chức Di cư quốc tế và Liên hiệp quốc tại Việt Nam, 2012).

- Sức cám dỗ từ công việc cho thu nhập cao. Thu nhập cao là câu trả lời của hơn một nửa số người được phỏng vấn (53,3%) về nguyên nhân bước vào hoạt động mại dâm, trong đó tỷ lệ này ở nam giới là 65,1% và ở nữ giới là 41,7%. Nhiều người đã không thể cưỡng nổi mức thu nhập cao mà hoạt động mại dâm mang lại “*Ngày xưa tôi làm matxa ở đó mới đẩy đưa mình vào cái nghề này. Tại vì làm matxa, mà những người matxa đa số là những người gay, rồi những người con gái cũng thích những người to cao người mẫu nên cũng chọn mình... Tại vì cái đồng tiền nó cuốn hút mình vào nhiều lắm. Người ta còn thua kém mình mà người ta làm, người ta giàu quá*

trời. Vậy mình làm.” (Nam, 39 tuổi, người mại dâm đồng tính, MSM) (Tổ chức Di cư Quốc tế và Liên hiệp quốc tại Việt Nam, 2012).

- Sức cám dỗ từ công việc ở những khu vực nhạy cảm (cửa hàng gọi đầu, thư giãn, karaoke, vũ trường quán bar, nhà hàng, quán matxa ...). Làm việc ở những nơi này, chịu tác động từ môi trường làm việc, khách hàng lẫn nhu cầu, hoàn cảnh của bản thân, khiến nguy cơ tham gia hoạt động mại dâm khá cao: “*mình làm ở quán, qua quá trình người ta đến hát cùng mình, họ quý mến mình, rủ mình đi khách sạn để quan hệ với họ. Đi làm mỗi tháng 2 triệu không thể đáp ứng nuôi con được. Cái nữa là nhu cầu, mình không có chồng, ở xa gia đình, tự đứng tình cảm và nhu cầu mình thiếu thốn một chút*” (Nữ mại dâm, 33 tuổi). Do vậy mà nhiều người không thể vượt qua cám dỗ khi khách hàng cho nhiều tiền “*Nhiều tiền là cám dỗ nhất. Mỗi lần matxa xong đi tiếp khách họ bỏ cho 500 nghìn. Mình không biết từ chối mãi được không*” (nữ, 22 tuổi, nhân viên matxa). Một nam thanh niên (28 tuổi) làm ở tiệm mat xa cho nam giới đồng tính ở thành phố Hồ Chí Minh khi được hỏi “*Khách hàng vào đây có nhu cầu tình dục không?*” đã trả lời: “*Phải đến 90% là có nhu cầu tình dục. Nhu cầu matxa đơn thuần rất hiếm. Hiếm có người nào vào matxa lại không có nhu cầu tình dục*” (Tổ chức Di cư quốc tế và Liên hiệp quốc tại Việt Nam, 2012).

- Các nhóm lý do khác như: thất tình, gặp khủng hoảng gia đình; mong muốn thỏa mãn nhu cầu tình dục của bản thân; bị lừa bán dâm; Chủ động dẫn thân vào hoạt động mại dâm; hay bị bạn bè, người bán dâm rủ rê, lôi kéo, hoặc bắt buộc tham gia bán dâm để có tiền mua ma túy thỏa mãn cơn thèm ... (Tổ chức Di cư quốc tế và Liên hiệp quốc tại Việt Nam, 2012).

3. Khung chính sách hỗ trợ hòa nhập xã hội cho người bán dâm

Để hỗ trợ người bán dâm vượt qua khó khăn, hòa nhập cộng đồng, Đảng và Nhà nước ban hành nhiều văn bản pháp lý khác nhau, trong đó nêu rõ quan điểm, mục tiêu, đồng thời quy định rõ các chủ thể xã hội chịu trách nhiệm tham gia, cũng như các biện pháp can thiệp mang tính xã hội và các biện pháp can thiệp mang tính cưỡng chế.

3.1. Quan điểm, mục tiêu hỗ trợ hòa nhập

Tại quyết định số 361/QĐ-TTg, ban hành ngày 7/3/2016 thì quan điểm chỉ đạo chung về công tác phòng, chống mại dâm giai đoạn 2016-2020 tập trung vào:

- Lấy phòng ngừa làm trọng tâm trong công tác phòng, chống mại dâm.

- Chú trọng các giải pháp mang tính xã hội nhằm giảm tác hại do hoạt động mại dâm gây ra đối với đời sống xã hội.

- Tăng cường xây dựng các thể chế nhằm bảo vệ quyền con người, tăng khả năng tiếp cận của các nhóm yếu thế (người bán dâm, nạn nhân bị mua bán vì mục đích mại dâm) vào hệ thống an sinh xã hội.

- Từng bước xã hội hóa, xây dựng cơ chế, chính sách huy động sự tham gia của các tổ chức cộng đồng và các thiết chế xã hội (gia đình, nhà trường...) vào công tác phòng ngừa mại dâm.

3.2. Những biện pháp hỗ trợ hòa nhập mang tính xã hội

Kế thừa quan điểm, định hướng, giải pháp của các chương trình phòng, chống mại dâm giai đoạn giai đoạn 2011-2015, chương trình phòng, chống mại dâm giai đoạn 2016-2020 tập trung vào các biện pháp hỗ trợ hòa nhập xã hội cho người bán dâm theo các hình thức:

- Tăng cường tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật và nâng cao nhận thức về phòng, chống mại dâm (Mục III, Điều 3, khoản a).

- Đẩy mạnh thực hiện các hoạt động phòng ngừa mại dâm thông qua lồng ghép các chương trình kinh tế - xã hội tại địa bàn cơ sở (Mục III, Điều 3, khoản b).

- Xây dựng, triển khai các hoạt động can thiệp giảm tác hại dự phòng lây nhiễm các bệnh xã hội và HIV/AIDS, phòng ngừa, giảm tình trạng bạo lực trên cơ sở giới trong phòng, chống mại dâm, theo đó: xây dựng mô hình cung cấp dịch vụ hỗ trợ cho người bán dâm tại cộng đồng, trung tâm công tác xã hội; mô hình hỗ trợ nhằm bảo đảm quyền của người lao động trong các cơ sở kinh doanh dịch vụ dễ phát sinh tệ nạn mại dâm; và mô hình hỗ trợ tăng cường năng lực của các nhóm đồng đẳng/nhóm tự lực/câu lạc bộ của người bán dâm trong việc tiếp cận, truyền thông và hỗ trợ giảm hại, phòng, chống bạo lực giới (Mục III, Điều 3, khoản c).

3.3. Những biện pháp hỗ trợ hòa nhập mang tính cưỡng chế

Ngoài các biện pháp hỗ trợ hòa nhập xã hội cho người bán dâm bằng các can thiệp mang tính xã hội nêu trên, thì còn có các biện pháp can thiệp mang tính cưỡng chế.

- Theo quy định của Pháp lệnh phòng, chống tệ nạn xã hội năm 2003, người mua dâm tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử phạt hành chính bằng

hình thức cảnh cáo hoặc phạt tiền (Điều 22, khoản 1). Người mua dâm người chưa thành niên hoặc biết mình bị nhiễm HIV mà cố ý lây truyền bệnh cho người khác thì bị truy cứu trách nhiệm hình sự (Điều 22, khoản 2).

- Người bán dâm, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử phạt hành chính, bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn hoặc đưa vào cơ sở chữa bệnh. Nếu người bán dâm là người nước ngoài thì tùy theo tính chất mức độ vi phạm mà bị xử phạt hành chính bằng hình thức cảnh cáo, phạt tiền, trục xuất (Điều 23, khoản 1). Trong trường hợp người bán dâm biết mình bị nhiễm HIV mà cố ý lây truyền bệnh cho người khác thì bị truy cứu trách nhiệm hình sự (Điều 23, khoản 2).

- Người bảo kê mại dâm, góp vốn để sử dụng vào mục đích hoạt động mại dâm thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử phạt hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự (Điều 24, khoản 1). Người môi giới mại dâm, chứa mại dâm, cưỡng bức bán dâm, tổ chức mại dâm, mua bán phụ nữ, trẻ em để phục vụ hoạt động mại dâm thì bị truy cứu trách nhiệm hình sự (Điều 24, khoản 2).

- Cơ sở kinh doanh dịch vụ lợi dụng hoạt động kinh doanh dịch vụ để hoạt động mại dâm thì bị phạt tiền và tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị tịch thu tang vật, phương tiện có liên quan trực tiếp đến hoạt động mại dâm, tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề (Điều 25, khoản 1). Người đứng đầu cơ sở kinh doanh dịch vụ do thiếu tinh thần trách nhiệm để hoạt động mại dâm xảy ra ở cơ sở do mình quản lý thì bị xử phạt hành chính; trường hợp gây hậu quả nghiêm trọng thì bị truy cứu trách nhiệm hình sự (Điều 25, khoản 2).

- Cơ quan, tổ chức, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực văn hóa, dịch vụ văn hóa, bưu chính, viễn thông có hành vi phổ biến, tàng trữ, lưu hành hình ảnh, vật phẩm, sản phẩm, thông tin có nội dung và hình thức đồi trụy, khiêu dâm, kích động tình dục thì bị phạt tiền và tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề hoặc không được tiến hành các hoạt động ghi trong giấy phép, chứng chỉ hành nghề (Điều 26, khoản 1).

- Người có hành vi vi phạm quy định này thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử phạt hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự (Điều 26, khoản 2).

- Người có nhiệm vụ trực tiếp đấu tranh phòng, chống mại dâm mà có hành vi bảo kê mại dâm, dung túng, bao che hoặc không xử lý kịp thời để cho hoạt

động mại dâm xảy ra trên địa bàn quản lý thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, chuyển làm công tác khác hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; trường hợp gây thiệt hại thì cơ quan nơi người đó công tác phải có trách nhiệm bồi thường và người đã gây ra thiệt hại có trách nhiệm bồi hoàn theo quy định của pháp luật (Điều 28).

- Người có chức vụ, quyền hạn có hành vi bao che hoặc không kịp thời xử lý kỷ luật người thuộc quyền quản lý của mình có hành vi mại dâm, liên quan đến hoạt động mại dâm thì bị xử lý kỷ luật (Điều 29, khoản 1). Người có chức vụ, quyền hạn có hành vi bao che cho người thuộc quyền quản lý của mình đã có hành vi vi phạm thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự (Điều 29, khoản 2).

- Theo chương trình phòng, chống mại dâm giai đoạn 2011-2015 tại Quyết định số 679/QĐ-TTg, các biện pháp can thiệp mang tính cưỡng chế tập trung vào tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra, triệt phá ổ nhóm hoạt động mại dâm (Điều 3, Mục III).

- Đồng thời, Chương trình phòng, chống mại dâm giai đoạn 2016-2020 tại Quyết định số 361/QĐ-TTg tập trung vào đấu tranh, xử lý nghiêm minh các hành vi vi phạm pháp luật, tội phạm liên quan đến mại dâm (Mục III, Điều 3, khoản d).

4. Phương pháp nghiên cứu

Đánh giá tác động xã hội của chính sách hỗ trợ hòa nhập xã hội cho người bán dâm đòi hỏi sử dụng đồng thời nhiều phương pháp khác nhau. Tuy nhiên, trong giới hạn của việc triển khai nghiên cứu, bài viết này không thể sử dụng phương pháp điều tra bằng bảng hỏi, phương pháp phỏng vấn sâu trực tiếp..., mà chỉ sử dụng 2 phương pháp thu thập thông tin cơ bản, đó là: phương pháp nghiên cứu tài liệu và phương pháp phỏng vấn sâu gián tiếp.

Phương pháp nghiên cứu tài liệu

Phương pháp này được sử dụng để nghiên cứu những công trình đã công bố liên quan đến hoạt động mại dâm và hỗ trợ hòa nhập xã hội cho người bán dâm; những thông tin được công bố trong các văn bản chính sách; cũng như những thông tin được công bố trên những trang thông tin chính thức thuộc Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội (LĐ-TB&XH), Bộ Công an và những đơn vị chức năng khác. Thậm chí, trong một số trường hợp, nhóm nghiên cứu sử dụng một số thông tin được đăng trên các trang báo

mạng có kiểm soát của các cơ quan chức năng, chẳng hạn thông tin đăng trên báo Nhân dân.

Phương pháp phỏng vấn sâu gián tiếp

Bởi lý do không có cơ hội tiếp xúc trực tiếp với người bán dâm nên nhóm nghiên cứu sử dụng phương pháp phỏng vấn sâu gián tiếp, nghĩa là thông qua những người có thể gặp gỡ trực tiếp với người bán dâm để đặt câu hỏi thu thập thông tin theo chủ đề Hòa nhập xã hội về việc làm, về y tế - sức khỏe, và giáo dục.

Hạn chế của phương pháp thu thập thông tin

Việc không thể sử dụng phương pháp thu thập thông tin bằng bảng hỏi là hạn chế lớn nhất của nghiên cứu, bởi lẽ, việc thiếu vắng phương pháp này khiến nhóm nghiên cứu không thể chủ động thiết kế các tiêu chí thu thập thông tin phù hợp với các văn bản chính sách, cũng như không thể thiết kế các mô hình phân tích, đánh giá tác động linh hoạt và theo chiều sâu.

Việc nghiên cứu tài liệu sẵn có khiến nhóm nghiên cứu không thể tìm kiếm đủ thông tin cho mục đích phân tích đánh giá tác động hòa nhập xã hội cho người bán dâm theo các tiêu chí được đề ra trong chính sách can thiệp.

Sự hạn chế của các nguồn tài liệu nghiên cứu về mại dâm buộc nhóm nghiên cứu thu hẹp nội dung bằng cách tập trung phân tích tác động đối với nhận thức của người bán dâm và kết quả của hoạt động hỗ trợ hòa nhập về y tế - sức khỏe, giáo dục và việc làm.

Việc không thể sử dụng phương pháp phỏng vấn sâu trực tiếp khiến cho nhóm nghiên cứu không thể đặt ra những câu hỏi linh hoạt, phù hợp với chủ đề nghiên cứu, do vậy chấp nhận sử dụng thông tin mà người được “ủy nhiệm” phỏng vấn giúp.

5. Tác động của chính sách hỗ trợ hòa nhập xã hội cho người bán dâm

5.1. Tiêu chí đánh giá tác động hỗ trợ hòa nhập xã hội cho người bán dâm

Chịu giới hạn từ các phương pháp thu thập thông tin nêu trên, nội dung đánh giá tác động thực hiện chính sách hỗ trợ hòa nhập xã hội cho người bán dâm tập trung vào các tiêu chí sau:

Về y tế - sức khỏe

- Sự chủ động của người bán dâm trong tìm hiểu thông tin về dịch vụ hỗ trợ chăm sóc sức khỏe (chủ động/chưa chủ động)

- Số lượt thực hiện các biện pháp tuyên truyền tác hại của mại dâm đối với sức khỏe của người bán dâm.

- Tỷ lệ % người bán dâm biết đến các dịch vụ hỗ trợ chăm sóc sức khỏe.
- Tỷ lệ % người bán dâm tiếp cận dịch vụ chăm sóc sức khỏe (theo giới tính/theo chu kỳ).
- Tỷ lệ % người bán dâm tham gia các lớp tập huấn chăm sóc sức khỏe (theo giới tính).
- Số lượt người bán dâm được hỗ trợ chăm sóc sức khỏe tại cộng đồng/tại các cơ sở xã hội.
- Phản ánh của người bán dâm về chất lượng dịch vụ chăm sóc sức khỏe (tốt/chưa tốt).
- Phản ánh của người bán dâm về việc tiếp cận các cơ sở y tế (dễ dàng/khó khăn).
- Phản ánh của người bán dâm về vai trò của câu lạc bộ đồng đẳng trong hỗ trợ tiếp cận dịch vụ chăm sóc sức khỏe (hữu ích/chưa hữu ích).

Về giáo dục

- Phản ánh của người bán dâm về mức độ phổ biến của các biện pháp tuyên truyền hỗ trợ hòa nhập về giáo dục (phổ biến/chưa phổ biến).
- Nhu cầu của người bán dâm về các biện pháp hỗ trợ hòa nhập về giáo dục (có nhu cầu/chưa có nhu cầu)
- Tỷ lệ % người bán dâm nhận thức quyền lợi được hỗ trợ hòa nhập về giáo dục.
- Số lượt người bán dâm nhận được hỗ trợ hòa nhập về giáo dục (theo vùng/miền).

Về việc làm

- Phản ánh của người bán dâm về mức độ phổ biến của các biện pháp tuyên truyền hỗ trợ hòa nhập về việc làm (phổ biến/chưa phổ biến).
- Tỷ lệ % người bán dâm nhận thức được quyền được hỗ trợ tạo việc làm.
- Tỷ lệ % người bán dâm biết đến các dịch vụ hỗ trợ đào tạo nghề.
- Tỷ lệ % người bán dâm được hỗ trợ học nghề.
- Tỷ lệ % người bán dâm được đào tạo bổ sung nâng cao trình độ chuyên môn nghề.
- Tỷ lệ % người bán dâm được hỗ trợ tạo việc làm.
- Tỷ lệ % người bán dâm được hỗ trợ tổ chức sản xuất kinh doanh, lập nghiệp.
- Tỷ lệ % người bán dâm được hỗ trợ vay vốn tín dụng học nghề và tạo việc làm.
- Tỷ lệ % người bán dâm được đào tạo nghề, tư vấn việc làm sau khi kết thúc khóa học.
- Tỷ lệ % người bán dâm tự tạo việc làm sau khi được hỗ trợ đào tạo nghề.

5.2. Tác động của hỗ trợ hòa nhập cho người bán dâm về y tế - sức khỏe

Kể từ khi ban hành Pháp lệnh Phòng, chống mại dâm năm 2003, nhiều chương trình tuyên truyền nâng cao nhận thức xã hội và người bán dâm về tác hại của bệnh truyền nhiễm qua con đường mại dâm, cũng như các cơ quan, đơn vị tham gia trợ giúp người bán dâm chăm sóc sức khỏe được triển khai. Quy mô của các chương trình này được mở rộng theo phân cấp quản lý, từ chính quyền trung ương đến chính quyền địa phương. Sở LĐ-TB&XH các địa phương là đơn vị đứng ra tổ chức và phối kết hợp với các đơn vị chức năng khác cùng thực hiện hoạt động tuyên truyền này. Nhờ vậy mà kết quả nghiên cứu của Viện Khoa học Lao động và Xã hội (2016) phản ánh cho thấy đa số người bán dâm có nhận thức rất tốt về các dịch vụ hỗ trợ chăm sóc sức khỏe. Dường như điều này bắt nguồn từ những rủi ro “mắc bệnh nghề nghiệp” do hoạt động mại dâm mang lại.

Phản ánh từ kết quả nghiên cứu của Huệ (2016) cho thấy “tỷ lệ nhiễm HIV trong nhóm mại dâm nữ ở Việt Nam đã tăng mạnh, từ 11% năm 2006 đến 16% năm 2009. Đặc biệt, tỷ lệ nhiễm HIV của gái bán dâm tại Thành phố Hồ Chí Minh lên tới 23,4% vào năm 2001. Nguyên nhân là do có sự kết hợp giữa bán dâm với tiêm chích ma túy”.

Kết quả nghiên cứu của Hương (2020) cũng nhấn mạnh người bán dâm là đối tượng có nguy cơ cao mắc bệnh truyền nhiễm, mắc các bệnh lây truyền qua đường tình dục và có nguy cơ cao lây bệnh ra cộng đồng.

Trước nguy cơ này, người bán dâm chú trọng tìm hiểu thông tin về dịch vụ hỗ trợ chăm sóc sức khỏe. Sự chủ động từ phía bản thân người bán dâm, kết hợp với các biện pháp tuyên truyền được thực hiện theo chương trình đấu tranh phòng, chống tệ nạn mại dâm, cũng như những chương trình hỗ trợ người bán dâm chăm sóc sức khỏe, phòng tránh lây nhiễm bệnh ra cộng đồng đã giúp cho phần lớn người bán dâm biết đến dịch vụ chăm sóc sức khỏe. Theo khảo sát từ chính người bán dâm cho thấy dịch vụ trợ giúp này dường như đem lại lợi ích thiết thực nhất (bảo vệ sức khỏe), do vậy có tới 92,7% trong tổng số người được hỏi biết đến (Viện Khoa học Lao động và Xã hội, 2016). Thực tế này cho thấy tác động tích cực của chính sách đến với người bán dâm.

Sự nhận thức cao của nhóm dân số này về việc được hỗ trợ tiếp cận dịch vụ chăm sóc sức khỏe là một trong những điều kiện đảm bảo đối tượng được chăm sóc sức khỏe, điều trị các bệnh lây nhiễm qua đường tình dục

và hạn chế lây nhiễm ra cộng đồng. Mà theo nghiên cứu của Tổ chức Di cư quốc tế và Liên hiệp quốc tại Việt Nam (2012) thì lo lắng, sợ hãi về bệnh tật, về việc khó tiếp cận dịch vụ chăm sóc sức khỏe là một trong những rào cản nhóm xã hội này hòa nhập cộng đồng.

Sự nhận thức cao về các biện pháp can thiệp trợ giúp tiếp cận dịch vụ chăm sóc sức khỏe của người bán dâm, cũng như sự tham gia tích cực của các chủ thể cung cấp dịch vụ y tế đã trợ giúp nhiều người bán dâm được bảo vệ sức khỏe.

Kết quả nghiên cứu của Tổ chức Di cư quốc tế và Liên hiệp quốc tại Việt Nam (2012) cho thấy, có tới 90,5% số người mại dâm được hỏi cho rằng họ dễ dàng thăm khám sức khỏe tại các cơ sở y tế ở địa phương. Tỷ lệ này ở nam giới cao hơn nữ giới khoảng 4 điểm phần trăm. Chỉ có 6,7% cho rằng họ khó tiếp cận và còn 2,8% người trả lời chưa đi khám bệnh lần nào. Trong số những người đã từng đi khám bệnh, 31,8% khám 2-3 tháng 1 lần; 27,6% khám 4 - 6 tháng một lần và 4,2% khám 1 năm một lần. Gần 20% chỉ khám bệnh khi được yêu cầu hoặc khi bị ốm. Tại cộng đồng, đã có 34,5% người làm mại dâm tham gia các lớp tập huấn phổ biến kỹ năng, kiến thức về chăm sóc sức khỏe. Tỷ lệ nữ tham gia gần gấp đôi nam (43,2% so với 25,4%).

Việc triển khai các biện pháp hỗ trợ hòa nhập xã hội cho người bán dâm về y tế - sức khỏe cũng đạt được nhiều kết quả tích cực. Trong 5 năm (từ 2005-2010), các địa phương đã tổ chức chữa trị, chăm sóc sức khỏe cho 18.778 lượt người bán dâm. Số đối tượng ở Trung tâm là 10.227 lượt người (54,4%) và số ở cộng đồng là 8.551 lượt người (45,6%) (Quyết định số 679, 2011).

Theo số liệu công bố của Bộ LĐ-TB&XH, trong năm 2017 Nhà nước trợ giúp cho 5.032 lượt người bán dâm gồm: hỗ trợ về y tế, chăm sóc sức khỏe, cung cấp các dịch vụ về phòng, chống lây nhiễm HIV. Năm 2018, có 1.194 người bán dâm được hỗ trợ giảm hại và hòa nhập cộng đồng. Trong đó: 231 lượt người được hỗ trợ y tế, chăm sóc sức khỏe, cung cấp các dịch vụ về phòng, chống lây nhiễm HIV (Thy, 2020).

Hoạt động hỗ trợ người bán dâm hòa nhập về y tế - sức khỏe còn được thực hiện thông qua các câu lạc bộ đồng đẳng. Thực tế là các câu lạc bộ hỗ trợ dành cho người hoạt động mại dâm được thành lập ngày càng nhiều. Mục đích của các câu lạc bộ này nhằm nâng cao hiểu biết về xã hội, về kiến thức chăm sóc sức khỏe, tình dục an toàn cho các hội viên. Đánh giá của người trong cuộc cho thấy “Hoạt động của câu lạc bộ rất hữu

ích, người của câu lạc bộ không coi thường chúng tôi, mà hướng dẫn và đưa chính tôi đi khám. Mọi thứ tôi chia sẻ ở câu lạc bộ đều được giữ bí mật” (Bộ LĐ-TB&XH, Australian Aid and Care, 2017).

Kết quả khảo sát của Tổ chức Di cư quốc tế và Liên hiệp quốc tại Việt Nam (2012) chỉ ra có 45,5% người hoạt động mại dâm trong mẫu khảo sát từng tham gia sinh hoạt tại các câu lạc bộ (48,7% đối với nam và 42,2% đối với nữ). Theo đó, có mối quan hệ nhất định giữa việc người hoạt động mại dâm tham gia sinh hoạt trong câu lạc bộ với mức độ tiếp cận các dịch vụ xã hội và sức khỏe. Hầu hết những người tham gia sinh hoạt câu lạc bộ đều đánh giá việc tham gia là hữu ích cho họ (96% trong số hiện đang tham gia sinh hoạt). Tỷ lệ những người từng tham gia câu lạc bộ hay hiện tham gia có dự tập huấn về kiến thức chăm sóc sức khỏe đều gấp khoảng ba lần so với những người không tham gia câu lạc bộ. Đây là điều kiện cơ bản trợ giúp người bán dâm hòa nhập thành công.

5.3. Tác động của hỗ trợ hòa nhập cho người bán dâm về giáo dục

Hỗ trợ hòa nhập xã hội cho người bán dâm về giáo dục cũng là một chủ trương được quan tâm và được triển khai trong thực tiễn. Song mức độ phổ biến thông tin về các loại hình hỗ trợ này dường như còn thấp, do vậy, số người bán dâm nhận thức được quyền lợi này chưa nhiều.

Dù rằng chương trình hành động phòng, chống mại dâm giai đoạn 2011-2015 đưa ra quan điểm chỉ đạo “chú trọng đến các hoạt động trợ giúp người bán dâm là phụ nữ, trẻ em trong tiếp cận với các dịch vụ xã hội, bao gồm cả giáo dục”. Mục tiêu của chương trình hành động này cũng ghi nhận “tổ chức hỗ trợ giáo dục cho 100% người bán dâm có hồ sơ quản lý bằng các hình thức phù hợp tại Trung tâm hoặc cộng đồng”. Đồng thời, Chương trình phòng, chống mại dâm giai đoạn 2016-2020 cũng nêu rõ quan điểm “Từng bước xã hội hóa, xây dựng cơ chế, chính sách huy động sự tham gia của nhà trường vào công tác phòng ngừa mại dâm và bảo đảm quyền bình đẳng của người bán dâm trong tiếp cận giáo dục”. Song, hiệu quả của các chương trình này còn thấp hơn kỳ vọng.

Thực tế, sự hạn chế về nhận thức của người bán dâm dường như bắt nguồn từ chính nhu cầu của họ. Nghiên cứu của Tổ chức Di cư quốc tế và Liên hiệp quốc tại Việt Nam (2012) cho thấy, độ tuổi phổ biến của người bán dâm là từ 19 tuổi trở lên, chiếm tới 80%. Sự quá tuổi học

tập khiến cho nhu cầu được hỗ trợ tiếp cận giáo dục của người bán dâm là không nhiều. Hơn thế nữa, nhiều người mang trên mình trách nhiệm đảm bảo kinh tế của cả gia đình nên cũng không có nhu cầu đi học.

Sự hạn chế về nhận thức của người bán dâm về quyền lợi được hỗ trợ giáo dục cũng bắt nguồn từ các biện pháp tuyên truyền hỗ trợ hòa nhập về giáo dục cho người bán dâm chủ yếu được thực hiện trong nhà trường, mà ít được thực hiện bên ngoài xã hội.

Trên thực tế, Nghị định 178/2004/NĐ-CP dành hẳn hai điều quy định về tuyên truyền phòng, chống mại dâm và hỗ trợ hòa nhập về giáo dục trong nhà trường. Điều 6 quy định nội dung tuyên truyền, giáo dục về phòng, chống mại dâm trong nhà trường phải bao gồm: tác hại của tệ nạn mại dâm, các biện pháp phòng, chống mại dâm, chính sách và pháp luật phòng chống mại dâm, các hình thức xử lý vi phạm pháp luật về mại dâm, trách nhiệm của công dân trong phòng, chống tệ nạn mại dâm. Điều 7 quy định nhà trường thường xuyên liên lạc, trao đổi với gia đình của học sinh, sinh viên, học viên và Ủy ban nhân dân địa phương nơi nhà trường đóng trên địa bàn đó về công tác phòng, chống mại dâm; Nhà trường tổ chức các cuộc tọa đàm trao đổi giữa các bên về công tác phòng, chống mại dâm, về biện pháp và các hoạt động giáo dục phòng ngừa phù hợp với lứa tuổi, giới tính, tôn giáo của học sinh, sinh viên, học viên; và Nhà trường tổ chức các hoạt động xã hội trên địa bàn với sự tham gia của học sinh, sinh viên, học viên. Do vậy, nhóm học sinh, sinh viên tham gia hoạt động mại dâm dường như có nhận thức về quyền được hỗ trợ về giáo dục cao hơn các nhóm mại dâm khác.

Ngoài ra, sự hạn chế về nhận thức của người bán dâm về các biện pháp hỗ trợ hòa nhập về giáo dục còn là do các biện pháp này thường được áp dụng cho nhóm mại dâm có hồ sơ quản lý, được đưa vào các cơ sở xã hội để được chăm sóc, chữa trị, phục hồi sức khỏe, được hỗ trợ đào tạo nghề. Tại đó, người bán dâm được tham gia các khóa học nâng cao nhận thức về tác hại của tệ nạn mại dâm, về nhân phẩm, đạo đức lối sống... Tuy nhiên, theo ước tính thì số người bán dâm có hồ sơ quản lý chỉ chiếm tỷ lệ thấp trong tổng số người bán dâm (khoảng 20%) (Tổ chức Lao động quốc tế, 2016; Quyết định số 361/QĐ-TTg, 2016).

Căn cứ theo quan điểm chú trọng hoạt động trợ giúp người bán dâm tiếp cận dịch vụ hỗ trợ giáo dục của Chương trình phòng, chống mại dâm giai đoạn

2016-2020, cũng như quy định “tổ chức hỗ trợ giáo dục cho 100% người bán dâm có hồ sơ quản lý bằng các hình thức phù hợp tại Trung tâm hoặc cộng đồng” của Chương trình phòng, chống mại dâm giai đoạn 2011-2015, thì có tới 11.240 người bán dâm được hỗ trợ tiếp cận dịch vụ giáo dục, trong đó Đồng bằng sông Hồng là 3.673 người; Đông Bắc là 913 người; Bắc Trung bộ là 887 người; Đông Nam Bộ là 3.200 người; Đồng bằng Sông Cửu Long là 1.374 người; các khu vực khác là 1.189 người (Quyết định số 361/QĐ-TTg, 2016).

Theo tinh thần của hai Chương trình nêu trên, dẫn số liệu công bố của Bộ LĐ-TB&XH thì năm 2017 cả nước có 5.032 lượt người bán dâm được hỗ trợ về giáo dục và năm 2018 thì con số này là 1.194 lượt người (Thy, 2020).

Thực tế này phản ánh tác động còn hạn chế của các biện pháp can thiệp hỗ trợ hòa nhập xã hội về giáo dục dành cho người bán dâm.

5.4. Tác động của hỗ trợ hòa nhập cho người bán dâm về việc làm

Các biện pháp tuyên truyền hỗ trợ hòa nhập người bán dâm về việc làm cũng được Trung ương và các cấp chính quyền địa phương quan tâm. Sự phổ biến về hỗ trợ sinh kế cho người bán dâm hoàn lương theo tinh thần quyết định số 29/2014/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ban hành ngày 26 tháng 4 năm 2014 được triển khai rộng khắp trên cả nước và liên tục qua các năm. Nhờ vậy mà kết quả khảo sát của Viện Khoa học Lao động và Xã hội (2016) phản ánh cho thấy tỷ lệ người bán dâm hiểu biết về dịch vụ hỗ trợ đào tạo nghề và tạo việc làm cũng đạt mức khá cao. Theo đó, có tới 46,0% người bán dâm được hỏi có hiểu biết về dịch vụ đào tạo nghề và 47,3% có hiểu biết về dịch vụ hỗ trợ tạo việc làm.

Song, sự nhận thức của người bán dâm về các thông tin hỗ trợ hòa nhập về việc làm chủ yếu đến từ các công tác tuyên truyền ở địa phương; tiếp đến là từ các câu lạc bộ/nhóm đồng đẳng hoặc qua bạn cùng hành nghề. Thông tin được cung cấp từ trung tâm dịch vụ công tác xã hội chiếm tỷ trọng không đáng kể (Viện Khoa học Lao động và Xã hội, 2019).

Tuy nhiên, nhận thức liên quan đến hỗ trợ hòa nhập về việc làm của phần lớn người bán dâm mới chỉ dừng lại ở công tác đào tạo nghề và giới thiệu việc làm theo các chương trình mục tiêu Quốc gia về việc làm, mà chưa biết đến các chương trình dành riêng cho họ “Tôi xem ti vi, đài báo nói và có các thông báo tại địa phương về các chương trình đào tạo nghề cho người lao động, nhưng

thực tế tôi cũng không hiểu là bản thân mình có thể được tham gia đăng ký hay không. Kết quả phỏng vấn sâu người bán dâm tỉnh Quảng Ninh”. Nguyên nhân được cho là các chương trình này chưa đề cập đến đối tượng cụ thể là người bán dâm, và cũng có thể một phần là do người bán dâm chưa thực sự quan tâm đến các chương trình này (Viện Khoa học Lao động và Xã hội, 2016) khi mà thu nhập từ hoạt động mại dâm luôn cao hơn so với mặt bằng thu nhập chung (Tổ chức Di cư quốc tế và Liên hiệp quốc tại Việt Nam, 2012; Luân, 2015).

Trên bình diện xã hội, có nhiều lý thuyết, quan điểm cho rằng hỗ trợ việc làm là một trong những giải pháp hữu hiệu ngăn chặn sự phát triển của tệ nạn xã hội, bao gồm tệ nạn mại dâm (Luân, 2015). Do vậy, Nghị quyết số 05/CP (năm 1993), Pháp lệnh phòng, chống mại dâm số 10/2003/PL-UBTVQH11 (năm 2003) đều nêu rõ hỗ trợ dạy nghề, tạo việc làm là những biện pháp kinh tế - xã hội quan trọng nhằm ngăn ngừa sự phát sinh, phát triển tệ nạn này (Điều 13, Chương 2).

Sự tập trung vào các biện pháp can thiệp trợ giúp người bán dâm tiếp cận dịch vụ việc làm theo tinh thần của các văn bản pháp lý nêu trên đạt được những thành tựu nhất định. Những người bán dâm đã từng được trợ giúp về đào tạo nghề và tạo việc làm cho biết họ tiếp cận được các dịch vụ này là nhờ được sự hướng dẫn, hỗ trợ hoàn thiện thủ tục đăng ký nhận dịch vụ trợ giúp; được giới thiệu kết nối, liên hệ với các đơn vị cung cấp dịch vụ; và cung cấp thông tin liên quan đến dịch vụ trợ giúp (Viện Khoa học Lao động và Xã hội, 2019).

Sau khi nhận được dịch vụ hỗ trợ đào tạo nghề và tạo việc làm, người bán dâm sẽ tiếp tục được tư vấn việc làm, được đào tạo nâng cao chuyên môn nghề hoặc được nhận một số loại hình hỗ trợ khác căn cứ theo nhu cầu của đối tượng và khả năng của đơn vị cung cấp dịch vụ.

Chẳng hạn, trong số những người đã nhận được trợ giúp về đào tạo nghề, 100% được tiếp tục tư vấn việc làm sau khi kết thúc khóa học nghề và 71,4% tiếp tục được hỗ trợ theo học khóa đào tạo nâng cao trình độ nghề. Ngoài ra, trong số những người đã nhận được trợ giúp về tạo việc làm, hầu hết người bán dâm tiếp tục được hỗ trợ vay vốn tín dụng (58,3%), hỗ trợ tổ chức sản xuất kinh doanh, lập nghiệp (41,7%) và đào tạo bổ sung nâng cao trình độ chuyên môn nghề (33,3%) (Viện Khoa học Lao động và Xã hội, 2016).

Trong số những người đã được hỗ trợ đào tạo nghề, có tới 57,1% tự tạo việc làm, 14,3% có được việc làm

nhờ kết hợp với gia đình/họ hàng và 7,1% có được việc làm nhờ kết hợp với bạn bè. Tương tự, trong số những người đã nhận hỗ trợ tạo việc làm, có tới 14,3% tự tạo việc làm mới và 21,4% kết hợp với bạn bè tự tạo việc làm. Sự thành công ban đầu của những mô hình “thí điểm” góp phần đáng kể trong việc hỗ trợ hoà nhập xã hội cho người bán dâm (Viện Khoa học Lao động và Xã hội, 2016).

Tuy nhiên, số người bán dâm tiếp cận dịch vụ hỗ trợ việc làm còn thấp, mà nguyên nhân có thể là do:

Hai loại hình dịch vụ hỗ trợ đào tạo nghề và tạo việc làm của người bán dâm được quy định lồng ghép tại nhiều văn bản pháp luật khác nhau nhưng lại chưa có những hướng dẫn cụ thể, đồng thời các biện pháp thực hiện chưa được chú trọng (Quyết định số 697/QĐ-TTg và Quyết định số 361/QĐ-TTg).

Nhiều hoạt động can thiệp hỗ trợ người bán dâm hoà nhập cộng đồng còn đang trong giai đoạn thí điểm, các chương trình đào tạo nghề, tạo việc làm cho nhóm đối tượng này đang được lồng ghép trong các Chương trình đào tạo nghề cho lao động nông thôn, Chương trình mục tiêu quốc gia về việc làm hoặc trong các chính sách đảm bảo an sinh xã hội khác. Vì thế, người bán dâm rất ít cơ hội tiếp cận các trợ giúp này.

Các doanh nghiệp/cơ sở sản xuất kinh doanh cũng rất dè dặt khi đề cập đến việc tiếp nhận người bán dâm vào làm việc khi cơ quan quản lý nhà nước đề xuất các doanh nghiệp/cơ sở sản xuất kinh doanh phối hợp giải quyết vấn đề tạo việc làm cho nhóm đối tượng này.

Phần lớn những người tham gia hoạt động mại dâm đều là những người không có hộ khẩu tại nơi hành nghề, không có việc làm cố định khiến cho nguồn thu nhập của họ không ổn định, không đảm bảo có tích lũy và dựa chủ yếu vào việc hành nghề mại dâm. Do đó, nếu họ tham gia các lớp học nghề thì trong suốt quá trình học nghề họ không có đủ nguồn lực để duy trì cuộc sống của chính bản thân họ và những người sống phụ thuộc. Người bán dâm, nếu “đi làm” ban đêm thì ban ngày họ không có đủ sức khỏe để học nghề và nếu đi học nghề, “nghỉ làm” ban đêm thì không có tiền để duy trì cuộc sống hiện tại. Vì lý do như vậy khá nhiều người tham gia hoạt động mại dâm không thể đeo đuổi những lớp học nghề đến cùng (Viện Khoa học Lao động và Xã hội, 2019).

6. Bàn luận và kết luận

Mỗi thể chế chính trị - xã hội khác nhau sẽ có cách nhìn nhận, đánh giá khác nhau về mại dâm. Với những

thể chế ủng hộ thì mại dâm được coi là một nghề hợp pháp. Song, với những thể chế không ủng hộ thì mại dâm bị coi là một loại hình tệ nạn xã hội. Do vậy, thể chế xã hội được coi là một nhân tố cơ bản tạo ra sự thay đổi. Tại Việt Nam, quan điểm của thể chế chính trị - xã hội không thừa nhận mại dâm là một nghề hợp pháp, do vậy, hoạt động này bị xếp vào nhóm “bị cấm”. Từ quan điểm nêu trên, nhiều văn bản chính sách can thiệp trợ giúp mang tính xã hội, nhiều chế tài xử lý mang tính cưỡng chế các hành vi liên quan đến mại dâm được ban hành và triển khai trong thực tiễn. Thực tế này tác động mạnh mẽ đến hoạt động mại dâm và các cá nhân, tổ chức tham gia. Lúc này, mại dâm tồn tại như một hình thức “nhức nhối” của xã hội, là một loại hình tệ nạn xã hội, một hình thái không phù hợp với chuẩn mực đạo đức, văn hóa và xã hội.

Căn cứ nội dung văn bản chính sách, nhiều tổ chức chính trị - xã hội được huy động tham gia thực hiện các hoạt động phòng ngừa, giảm thiểu, ngăn chặn sự bùng phát của các loại hình tệ nạn xã hội, bao gồm: Bộ LĐ-TB&XH, Bộ Công an, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Y tế, Ủy ban Nhân dân..., cũng như các đơn vị trực thuộc. Mỗi tổ chức có thế mạnh riêng trong đấu tranh phòng chống tệ nạn mại dâm, cũng như trong hỗ trợ hòa nhập xã hội cho người bán dâm. Theo đó:

- Bộ LĐ-TB&XH tham gia chủ đạo vào các hoạt động hỗ trợ hòa nhập xã hội về học nghề và việc làm cho người bán dâm.

- Bộ Công an tham gia chủ đạo vào các hoạt động đấu tranh, ngăn chặn nạn buôn bán người liên quan đến tệ nạn mại dâm, cũng như truy quét các tụ điểm có hoạt động mại dâm.

- Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Thông tin và Truyền thông tham gia chủ đạo trong việc tuyên truyền tác hại của tệ nạn mại dâm, tuyên truyền giáo dục phòng chống mại dâm, xây dựng lối sống lành mạnh, phù hợp với bản sắc văn hóa, đạo đức và pháp luật.

- Bộ Giáo dục và Đào tạo tham gia chủ đạo trong phổ biến kiến thức về các nguy cơ, cám dỗ của tệ nạn mại dâm trong nhà trường.

- Bộ Y tế tham gia chủ đạo trong ngăn ngừa sự lây lan, bùng phát của các loại bệnh liên quan đến mại dâm...

Sự chung tay vào cuộc của các tổ chức này góp phần giảm thiểu các loại hình tệ nạn xã hội liên quan đến mại dâm, cũng như hỗ trợ người bán dâm hòa nhập xã hội.

Cá nhân, gia đình và cộng đồng cũng là những nhân tố tích cực trong hỗ trợ hòa nhập xã hội cho người bán dâm. Nhân tố cá nhân thể hiện ở sự chủ động thích ứng với những biến đổi của xã hội, lường trước hậu quả của việc tham gia các hoạt động mại dâm (như mua dâm, bán dâm, môi giới mại dâm ...), chia sẻ nhận thức cá nhân với cộng đồng và trong những trường hợp có thể thì chủ động tham gia hỗ trợ người bán dâm hòa nhập xã hội, như: hỗ trợ giới thiệu việc làm, tư vấn lối sống tích cực, kết nối người bán dâm với cộng đồng, hỗ trợ người bán dâm quay về với cuộc sống gia đình, cũng như tổ chức các hành vi, tổ chức, cơ sở có các hoạt động mại dâm... Nhân tố gia đình thể hiện ở trách nhiệm giáo dục các thành viên về lối sống lành mạnh, xây dựng gia đình văn hóa, giang tay chào đón và tạo điểm tựa nâng đỡ cho những thành viên lầm lỡ sa chân vào con đường mại dâm hòa nhập cộng đồng, xã hội. Trách nhiệm của hộ gia đình còn thể hiện trong những hoạt động quản lý, giúp đỡ, chăm sóc người bán dâm được giáo dục tại xã, phường, thị trấn theo sự hướng dẫn, giám sát của tổ chức, cá nhân được phân công giúp đỡ và của chính quyền cơ sở; quản lý, giám sát, phòng ngừa, ngăn chặn người bán dâm tái phạm hoặc có hành vi gây mất trật tự an toàn xã hội; đồng thời động viên, trợ giúp người bán dâm xóa bỏ mặc cảm, tạo điều kiện để họ hoà nhập cộng đồng. Nhân tố cộng đồng thể hiện trong các hoạt động tuyên truyền, phát hiện, tố giác, đấu tranh phòng chống tệ nạn mại dâm; tuyên truyền giảm thiểu sự kỳ thị xã hội đối với người bán dâm có mong muốn hòa nhập cộng đồng; tạo điều kiện thuận lợi trong hỗ trợ tạo việc làm cho người bán dâm; quản lý, giám sát, phòng ngừa, ngăn chặn các cá nhân, tổ chức, cơ sở thực hiện các hoạt động mại dâm trên địa bàn.

Nhờ vậy, chính sách hỗ trợ hòa nhập xã hội cho người bán dâm đã góp phần nâng cao nhận thức cho toàn xã hội về việc chung sức ngăn ngừa sự phát triển của loại hình tệ nạn xã hội này. Sự can thiệp, trợ giúp của các chủ thể xã hội góp phần trợ giúp người bán dâm nhận thức được quan tâm, chia sẻ của Nhà nước và cộng đồng trong hỗ trợ hòa nhập xã hội dành cho họ. Trong số các tác động của chính sách thì nội dung can thiệp về y tế - sức khỏe đạt thành công ở mức độ cao hơn so với các nội dung can thiệp khác, bởi nó đáp ứng nhu cầu thiết thực nhất của nhóm dân số này.

Tuy nhiên, việc tái hòa nhập cộng đồng của người bán dâm cũng gặp nhiều khó khăn. Tập hợp từ nhiều nguồn tài liệu khác nhau (Luân, 2015; Tổ chức Di cư

quốc tế và Liên hiệp quốc tại Việt Nam, 2012; Bộ LĐ-TB&XH) cho thấy có những nguyên nhân cơ bản như:

- Mại dâm là một ngành của “kinh tế ngầm” rất “béo bở” và cho thu nhập cao. Từ thực tế này mà nhóm bảo kê, chặn dất, môi giới, chủ chứa luôn tìm nhiều cách cản trở người bán dâm từ bỏ công việc.

- Thu nhập từ hoạt động mại dâm cao, trong khi đó, thu nhập từ công việc mới quá thấp không đủ trang trải cho cuộc sống của bản thân và gia đình. Vì lý do này mà nhiều người bán dâm nhanh chóng quay trở lại con đường cũ.

- Công tác xây dựng kế hoạch giúp đỡ người mại dâm hòa nhập xã hội còn chưa thực sự được quan tâm ở cấp địa phương.

- Hoạt động tiếp cận, tư vấn hòa nhập xã hội cho người bán dâm chưa được triển khai một cách bài bản do thiếu đội ngũ cán bộ được trang bị đầy đủ các kỹ năng cần thiết.

- Sự kỳ thị và phân biệt đối xử của cộng đồng còn rất lớn khiến nhiều người có quá khứ bán dâm khó hòa nhập trở lại.

- Nhiều người bán dâm còn mang tư tưởng e dè, mặc cảm, chưa tin tưởng vào sự hỗ trợ của cộng đồng

ngại tiếp xúc với chính quyền địa phương nơi cư trú.

- Đa số người bán dâm có tay nghề thấp, không có công việc ổn định.

- Người bán dâm thiếu thông tin về các biện pháp can thiệp, trợ giúp của Nhà nước, chính quyền địa phương và cộng đồng.

- Người bán dâm mắc nhiều bệnh xã hội, bệnh lây nhiễm qua đường tình dục mà chưa được thăm khám, điều trị sức khỏe dẫn đến mặc cảm hoặc buông xuôi...

Thực tế này cho thấy cần tiếp tục thực hiện các biện pháp can thiệp trợ giúp người bán dâm hòa nhập cộng đồng, lấy phòng ngừa làm trọng tâm, tập trung vào các biện pháp tuyên truyền, giáo dục, chú trọng thực hiện các biện pháp can thiệp trợ giúp thông qua các chính sách xã hội. Tăng cường trách nhiệm của các chủ thể xã hội trong trợ giúp người bán dâm; đề cao vai trò của các câu lạc bộ đồng đẳng trong hỗ trợ người bán dâm hòa nhập cộng đồng; thúc đẩy vai trò trách nhiệm của hộ gia đình trong bảo vệ người thân tránh sa các loại hình của tệ nạn mại dâm. Đồng thời, cần tạo cơ chế liên kết huy động đồng thời sự tham gia của các chủ thể xã hội vào hỗ trợ người bán dâm hòa nhập xã hội; Tăng cường cơ chế giám sát các hoạt động kinh doanh có nguy cơ mại dâm.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. (2015). *Hiệu quả từ mô hình thí điểm hỗ trợ hòa nhập cộng đồng cho người bán dâm, trang tin điện tử*. Hà Nội.
- Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Australian Aid and Care. (2017). *Tăng cường khả năng tiếp cận dịch vụ xã hội cho phụ nữ bán dâm*. Hà Nội.
- Huê. (2016). *Mại dâm và mối liên quan với nhiễm HIV/AIDS tại Việt Nam và Thành phố Hồ Chí Minh*. Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.
- Hương, P.T.L. (2020). Pháp luật về phòng ngừa và ứng phó bạo lực, can thiệp giảm hại và hòa nhập cộng đồng cho người bán dâm. *Tạp chí Nghiên cứu Lập pháp*, số 10 (410).
- ILO. (2016). *Ngành công nghiệp tình dục ở Việt nam – một khía cạnh về quyền lao động. Tóm tắt báo cáo nghiên cứu định tính*. Hà Nội.
- Isee và Care. (2018). *Đa dạng văn hóa thừa nhận và tôn trọng sự đa dạng*. Hà Nội.
- Luân, T.D. (2015). Thêm một luận giải về các giải pháp quản lý mại dâm ở nước ta hiện nay. *Tạp chí Xã hội học* 2 (130), tr. 104 - 113.
- Redazion. (2012). *That's why men go with prostitutes*. *Giornalettismo*.
- Tổ chức Di cư quốc tế và Liên hiệp quốc tại Việt Nam. (2012). *Mại dâm và Di biến động nhìn từ góc độ giới*. Hà Nội.
- Thủ tướng Chính phủ. (2016). *Quyết định số 697/QĐ-TTg ban hành ngày 10/5/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt chương trình phòng, chống mại dâm giai đoạn 2016-2020*.
- Thủ tướng Chính phủ. (2016). *Quyết định số 361/QĐ-TTg ban hành ngày 07/3/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt chương trình phòng, chống mại dâm giai đoạn 2016-2020*.
- Thy, N. (2020). *Giai đoạn 2016-2020: Chú trọng hỗ trợ xã hội giúp người bán dâm hòa nhập cộng đồng*. <http://tiengchuong.vn/Nghien-cuu-Chuyen-de/Giai-doan-20162020-Chu-trong-ho-tro-xa-hoi-giup-nguoi-ban-dam-hoa-nhap-cong-dong/38214.vgp> (truy cập ngày 07 – 12 – 2021).
- Trần, B. (2017). *Việt Nam có 15.000 hay 300.000 người bán dâm? Thời báo người lao động online*. <https://nld.com.vn/thoi-su/viet-nam-co-15000-hay-300000-nguoi-ban-dam-20171102065231077.htm> (truy cập ngày 03 – 12 – 2021).
- Viện Khoa học Lao động và Xã hội. (2016). *Đánh giá tình hình tiếp cận dịch vụ hỗ trợ xã hội của người bán dâm*. Hà Nội.
- Viện Khoa học Lao động và Xã hội. (2019). *Đánh giá và đề xuất xây dựng hệ thống dịch vụ hỗ trợ xã hội đối với người bán dâm tại cộng đồng*. Hà Nội.